

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 18/2024/DS-ST

Ngày: 20-3-2024.

V/v: “*Tranh chấp thực hiện
nghĩa vụ trả tiền*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bình.

2/ Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 361/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024, quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 17/2024/QĐ-TĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; *nơi cư trú:* Số A, đường số B, xóm C, thôn D, xã NĐ, huyện TL, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang T, sinh năm 1996; *nơi cư trú:* Số A, đường số B, xóm C, thôn D, xã NĐ, huyện TL, tỉnh BT (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2024).

- *Bị đơn*: Ông Vũ Đình D, sinh năm 1978 và bà Lê Thị Minh K, sinh năm 1983; *nơi đăng ký HKTT*: Ấp D1, xã AV, huyện TB, tỉnh ĐN; *nơi cư trú*: Nhà máy NB, đường ĐT, thôn D2, xã MP, huyện ĐL, tỉnh BT.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Quang T1, sinh năm 1956; *nơi cư trú*: Số A, đường số B, xóm C, thôn D, xã NĐ, huyện TL, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang T, sinh năm 1996; *nơi cư trú*: Số A, đường số B, xóm C, thôn D, xã NĐ, huyện TL, tỉnh BT (Văn bản ủy quyền ngày 02/02/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2023, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (do ông Trần Quang T làm đại diện, ông T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang T1) trình bày: Nguyên trước đây, chủ nhà máy xay xát lúa gạo MC ở thôn D2, xã MP, huyện ĐL có nợ tiền của vợ chồng bà Nguyễn Thị H (chồng bà H tên là ông Trần Quang T1). Sau đó, vợ chồng ông Vũ Đình D và bà Lê Thị Minh K mua lại nhà máy xay xát lúa gạo MC (nay đổi tên thành nhà máy xay xát lúa gạo NB) và nhận số nợ mà nhà máy xay xát lúa gạo MC còn thiếu của vợ chồng bà H. Theo đó vào ngày 13/5/2021, vợ chồng ông D và bà K có viết cho vợ chồng bà H và ông T1 giấy nhận nợ với số tiền là 445.372.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng) và hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả hết số tiền nợ trên cho vợ chồng bà H. Sau khi lập giấy nhận nợ, đến cuối năm 2021 vợ chồng bà K có trả cho vợ chồng bà H được 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền nợ gốc, sau đó thì không trả nữa.

Tại phiên tòa, ông Trần Quang T khai: Ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc vợ chồng ông Vũ Đình D và bà Lê Thị Minh K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang T1 số tiền nợ gốc còn lại là 245.372.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/6/2021 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất là 10%/năm. Sau đó, tính trừ số tiền lãi 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) mà bị đơn đã trả cho vợ chồng bà H.

* Tại bản khai, biên bản lấy lời khai của đương sự điều lập ngày 28 tháng 12 năm 2023, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Vũ Đình D và bà

Lê Thị Minh K trình bày: Vào ngày 13/5/2021, vợ chồng ông bà có viết giấy nhận nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang T1 với số tiền là 445.372.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Nguyên nhân phát sinh khoản nợ trên là do trước đây ông PVD (Là chủ của nhà máy xay xát lúa gạo NB, trước khi vợ chồng ông D và bà K mua lại) có nợ tiền của của bà Nguyễn Thị H. Thời điểm đó, bà H có đơn khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu giải quyết việc vay mượn tiền giữa bà H và ông Đ thì vợ chồng ông D và bà K mua lại nhà máy xay xát lúa gạo của ông Đ và đứng ra nhận khoản nợ của ông Đ đối với bà H về số tiền 445.372.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Đến cuối năm 2021, vợ chồng bà K có trả cho vợ chồng bà H được 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền nợ gốc. Hiện tại vợ chồng ông bà còn nợ lại của vợ chồng bà H số tiền là 245.372.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn ông Vũ Đình D và bà Lê Thị Minh K không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp nghĩa vụ thanh toán.

Quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều khai thống nhất, ông Vũ Đình D và bà Lê Thị Minh K còn nợ lại của bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang T1 số tiền nợ gốc là 245.372.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy

mười hai nghìn đồng). Căn cứ Điều 278, Điều 280, Điều 357 của Bộ luật dân sự: Buộc bà K và ông D phải trả cho bà H và ông T1 số tiền nợ gốc là 245.372.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/6/2021 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất là 10%/năm. Tính trừ số tiền lãi 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) mà bị đơn đã trả cho vợ chồng bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Vũ Đình D và bà Lê Thị Minh K nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét về tiền nợ gốc: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận vào ngày 13/5/2021, vợ chồng ông Vũ Đình D và bà Lê Thị Minh K có lập giấy nhận nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang T với số tiền là 445.372.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Đến cuối năm 2021, vợ chồng bà K có trả cho vợ chồng bà H được 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền nợ gốc. Hiện tại vợ chồng bà K thừa nhận còn nợ lại của vợ chồng bà H số tiền nợ gốc là 245.372.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Căn cứ vào khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.3] Xét về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 245.372.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng), kể từ ngày 14/6/2021 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm

(20/3/2024), theo mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận và tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 14/6/2021 đến ngày 20/3/2024 là 33 tháng 06 ngày x 245.372.000 đồng x 10%/năm = 67.886.000 đồng.

Tính trừ tiền lãi mà bị đơn đã trả là: 67.886.000 đồng – 40.000.000 đồng = 27.886.000 đồng.

Từ những nhận định như trên, cần buộc vợ chồng ông Vũ Đình D và bà Lê Thị Minh K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang T1 tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi là 273.258.000 đồng (Hai trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng).

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả nợ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Vũ Đình D và bà Lê Thị Minh K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Trần Quang T1 số tiền là 273.258.000 đồng (Hai trăm bảy mươi ba triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 245.372.000 đồng và tiền lãi là 27.886.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Vũ Đình D và bà Lê Thị Minh K phải liên đới chịu số tiền 13.663.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 7.712.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004046 ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/3/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THADS huyện Đức Linh,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận

